

Bản án số: 146/2021/HS-ST

Ngày: 08 – 11 – 2021.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trọng Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Dương Văn Dân.

2/ Bà Nguyễn Thị Kính.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Khá – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 134/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2021/QĐXXST-HS ngày 22/10/2021 đối với các bị cáo:

**1/ Lê Văn T** (tên gọi khác: Bé Ba); sinh ngày 25/01/1992, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: A34/4 Ấp 1A, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Phước và bà Lê Thị Út Chính; chung sống như vợ chồng với Đỗ Thị Huỳnh L (là bị cáo trong cùng vụ án) vào năm 2020 và có 01 con chung (sinh năm 2020); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2012/HSST ngày 20/3/2012, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp Tài sản”; đến ngày 31/8/2015 chấp hành xong bản án. Năm 2010, bị Công an xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 80.000 đồng, về hành vi “Tụ tập gây mất trật tự nơi công cộng”. Tại Quyết định số 502/ QĐ-TA ngày 06/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy Bó Lá, thời hạn 21 tháng, kể từ ngày 13/6/2017; đến ngày 13/3/2019 chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/4/2021. (Có mặt)

**2/ Trần Thị Ngọc H** (tên gọi khác: Ngọc); sinh năm: 1983, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Số 12/1 Đường CG, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Be (đã chết) và bà Lê Thị Bông; có chồng và 03 con; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2019/HS-ST ngày 22/8/2019, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp Tài sản”; đến ngày 04/8/2020 chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/6/2019, bị Công an phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính, với số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Trộm cắp Tài sản”. Ngày 29/01/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Trộm cắp Tài sản”. Ngày 05/4/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố bị can về tội “Trộm cắp Tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/3/2021. (Có mặt).

**3/ Đỗ Thị Huỳnh L** (tên gọi khác: Thảo); sinh ngày 03/02/1992, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 1280/37 Đường PH, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Vui (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mười; chung sống như vợ chồng với Lý Minh Quốc Anh vào năm 2008 (đã ly hôn năm 2017) và có 03 người con chung (2008, 2009, 2010), sau đó chung sống như vợ chồng với Lê Văn T (là bị cáo trong cùng vụ án) vào năm 2020 và có 01 con chung (sinh năm 2020); Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HS-ST ngày 29/3/2019, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp Tài sản”; đến ngày 30/8/2019 chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

- Bị hại:

1/ Chị: Vũ Thúy I, sinh năm: 1996; nơi cư trú: Số 238/6 Đường LT, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

2/ Anh: Lâm Tuấn K, sinh năm: 1990; nơi cư trú: (HKTT: Số 76/8 Đường DN, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số 1199/37 Đường PH, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt).

3/ Chị: Phạm Trần Hà P, sinh năm: 1999; nơi cư trú: (HKTT: Ấp TĐ, xã VA, huyện TD, tỉnh ST; chỗ ở: Số 1225/33B Đường PH, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt).

4/ Chị: Nguyễn Thị Lan A, sinh năm: 2001; nơi cư trú: Số 2385/74/5/22 Đường PH, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà: Nguyễn Thúy N, sinh năm: 1972; nơi cư trú: Số 238/6 Đường LT, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

2/ Bà: Trần Thị Hạnh U, sinh năm: 1971; nơi cư trú: Ấp TĐ, xã VA, huyện TD, tỉnh ST. (Vắng mặt).

3/ Bà: Phạm Thị Thanh G, sinh năm: 1977; nơi cư trú: Số 2385/74/5/22 Đường PH, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T, Trần Thị Ngọc H và Đỗ Thị Huỳnh L là những đối tượng nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định, muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng; nên T, H, và L đã thực hiện các vụ trộm cắp Tài sản trên địa bàn Quận 8, cụ thể như sau:

**Vụ thứ 1:** Khoảng 20 giờ, ngày 27/11/2020, T đi bộ đến trước nhà số 238/6 Đường LT, Phường S, Quận B thì phát hiện 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision, biển số 59L1-482.83 của chị Vũ Thúy I (xe do bà Nguyễn Thúy N, mẹ ruột chị I đứng tên chủ sở hữu) dựng trước cửa nhà, không người trông coi, chìa khoá gắn sẵn tại ổ khoá xe; nên T lén lút dẫn xe gắn máy ra bên ngoài, nổ máy xe bỏ chạy. Sau đó, T điều khiển xe gắn máy vừa trộm được bán cho Nguyễn Thanh O tại khu vực cầu Sắt, thuộc Phường 10, Quận 8 với giá 3.000.000 đồng. T đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 02/02/2021, bà Nga đến Công an Phường 6, Quận 8 để trình báo vụ việc trên.

Ngày 19/02/2021, Hội đồng định giá Tài sản Quận 8 có kết luận định giá Tài sản của chiếc xe gắn máy biển số 59L1-482.83, trị giá: 8.610.000 đồng.

**Vụ thứ 2:** Khoảng 20 giờ, ngày 06/01/2021, sau khi T và H sử dụng xong ma túy tại khách sạn trên đường PH, Quận B (không rõ địa chỉ và tên khách sạn) thì T điều khiển xe máy hiệu Yamaha Elizabeth, biển số 60F1-409.44 của H chở H đi về nhà thì đến trước nhà số 1199/37 Đường PH, Phường V, Quận B thì T phát hiện chiếc xe gắn máy hiệu Honda SH Mode, biển số 59L2-295.55 của anh Lâm Tuấn K dựng trước nhà, không có người trông coi; nên T nảy sinh ý định lấy trộm xe gắn máy trên đem bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Thực hiện ý định trên, T dừng xe lại kêu H đứng bên ngoài chờ T vào nhà người bạn, còn T đi đến chỗ xe gắn máy rồi dùng dây đoạn mang theo trong người bẻ khoá ổ chiếc xe của anh K. Sau đó, T dắt xe ra ngoài rồi nổ máy xe bỏ chạy và kêu H chạy theo đến đoạn cầu Sắt như đã nêu trên để bán cho Nguyễn Thanh O được số tiền 10.000.000 đồng. T đã tiêu xài cá nhân hết, T không có cho H tiền. Ngày 06/01/2021, anh K đến Công an Phường 5, Quận 8 trình báo vụ việc nêu trên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, H khai khi T thực hiện hành vi trộm cắp thì T không rủ H, nên H không biết và không tham gia cùng T trộm cắp và T cũng không có chia tiền cho H sau khi bán được xe đã lấy trộm.

Ngày 21/01/2021, Hội đồng định giá Tài sản Quận 8 có kết luận định giá Tài sản xác định chiếc xe gắn máy biển số 59L2-298.55 trị giá: 36.750.000 đồng.

**Vụ thứ 3:** Khoảng 19 giờ, ngày 08/01/2021, T điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Luvias (chưa rõ biển số) của T chở Đỗ Thị Huỳnh L đi công chuyện, khi đến trước số 1225/33B Đường PH, Phường V, Quận B thì T thấy chị Phạm Trần Hà P điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Blade, biển số: 83P3-633.41 về đến nhà trên và dựng xe trước nhà nhưng không có người trông coi (chiếc xe do bà Trần Thị Hạnh U đứng tên chủ sở hữu) rồi đi vào trong nhà. Thấy vậy, T rủ L cùng lấy trộm xe gắn máy trên đem bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng thì L đồng ý. Thực hiện ý định trên, T kêu L

đứng cạnh giới rồi T đi đến thì thấy xe không khoá cổ nên T đi ra ngoài kêu L vào lấy trộm, còn T đứng bên ngoài cạnh giới. L đi vào trong dẫn xe gắn máy trên ra ngoài rồi để T điều khiển xe gắn máy vừa trộm được bán cho Nguyễn Thanh O tại khu vực cầu Sắt, được số tiền 10.000.000 đồng. T và L đã cùng tiêu xài cá nhân hết. Ngày 02/02/2021, bà Phạm Thị Thanh G (mẹ ruột chị P) đến Công an Phường 5, Quận 8 trình báo vụ việc nêu trên.

Ngày 19/02/2021, Hội đồng định giá Tài sản Quận 8 có kết luận định giá Tài sản xác định chiếc xe gắn máy, biển số 83P3-633.41, trị giá 13.790.000 đồng.

**Vụ thứ 4:** Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 17/01/2021, sau khi T và H sử dụng ma tuý xong tại khách sạn trên đường PH, Quận B (không rõ địa chỉ và tên khách sạn) thì T rủ H đi lấy trộm xe gắn máy bán lấy tiền tiêu xài và mua ma tuý sử dụng thì H đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Elizabeth, biển số 60F1409.44 của H chở H đi lòng vòng khu vực Phường 6, Quận 8 để trộm Tài sản. Khi đến đầu hẻm 2385/74/5 Đường PH, Phường S, Quận B thì T kêu H đứng cạnh giới để T đi tìm xe trộm cắp. Đến trước nhà số 2385/74/22 Đường PH, Phường S, Quận B thì T thấy chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển số: 59L2-956.81, không có người trông coi, của chị Nguyễn Thị Lan A (xe do bà Phạm Thị Thanh G đứng tên chủ sở hữu) nên T lén lút chiếm đoạt chiếc xe nêu trên. Trên đường về T bán xe cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) được 5.000.000 đồng; T chia cho H 2.500.000 đồng, T hưởng 2.500.000 đồng và cả hai đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 02/02/2021, bà Nguyễn Thuý N là mẹ ruột của chị Lan A đến Công an Phường 6, Quận 8 trình báo vụ việc trên.

Ngày 19/02/2021, Hội đồng định giá Tài sản Quận 8 có kết luận định giá Tài sản xác định chiếc xe gắn máy, biển số 59L2 – 956.81, trị giá: 29.280.000 đồng.

Đến ngày 02/02/2021, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Quận 8 lần lượt phát hiện T, H và L; nên đưa về trụ sở để làm rõ hành vi đã thực hiện.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8; T, H và L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 thẻ nhớ màu đen hiệu Micro 4GB (lưu giữ hình ảnh T lấy trộm xe gắn máy, biển số 59L2 – 295.55, ngày 06/01/2021).

- 01 đĩa DVD-R Sony 120min/4.7GB (lưu giữ hình ảnh T và L lấy trộm xe gắn máy, biển số 83P3 – 633.41, ngày 08/01/2021).

- 01 USB hiệu Toshiba màu trắng 4GB (lưu giữ hình ảnh T và H lấy trộm xe gắn máy, biển số 59L2 – 956.81, ngày 17/01/2021).

- 01 USB hiệu Kingston màu đỏ 8GB lưu giữ hình ảnh T lấy trộm xe gắn máy, biển số 59L1 – 482.83, ngày 27/11/2020).

- Đối với xe gắn máy Luvias mà T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp Tài sản, T đã bán cho 01 nam thanh niên (chưa rõ lai lịch); xe gắn máy hiệu Elizabeth biển số 60F1 – 409.44 mà H sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp Tài sản cùng T đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tạm giữ để điều tra làm rõ trong vụ án “Trộm cắp Tài sản” do H thực hiện tại Quận 10.

Trách nhiệm dân sự:

- Bà Nga yêu cầu bồi thường số tiền 9.000.000 đồng.
- Anh K yêu cầu bồi thường số tiền 40.000.000 đồng.
- Chị P yêu cầu bồi thường số tiền 17.000.000 đồng.
- Chị Lan A yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thanh O, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 khai nhận không biết T và cũng không có quan hệ giao dịch mua bán xe với T. Ngoài lời khai của T, không có căn cứ nào khác để xác định Hòa có hành vi “Tiêu thụ Tài sản do người khác phạm tội mà có”; nên Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xử lý.

Bản cáo trạng số 153/CT-VKSQ8, ngày 08/7/2021, của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo:

1/ Bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp Tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

2/ Bị cáo Trần Thị Ngọc H và bị cáo Đỗ Thị Huỳnh L về tội “Trộm cắp Tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt:

1/ Bị cáo Lê Văn T mức án từ 03 năm tù đến 04 năm tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm h Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt:

2/ Bị cáo Trần Thị Ngọc H mức án từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù.

3/ Bị cáo Đỗ Thị Huỳnh L mức án từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

1/ Bà Nga yêu cầu bồi thường số tiền 9.000.000 đồng.

2/ Anh K yêu cầu bồi thường số tiền 40.000.000 đồng.

3/ Chị P yêu cầu bồi thường số tiền 17.000.000 đồng.

4/ Chị Lan A yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và đồng ý bồi thường theo tỷ lệ chia đều nhau đối với những vụ lấy trộm xe đã chia đều nhau hưởng lợi; riêng bị cáo T tự chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại đối với những vụ mà bị cáo tự mình lấy trộm xe. Do đó, các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn cho các bị cáo (do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và khó thi hành).

- Về xử lý vật chứng:

+ Các vật chứng không thu hồi được, nên không xem xét xử lý.

+ Tịch thu lưu theo hồ sơ 02 USB, 01 đĩa DVD và 01 thẻ nhớ (vì là chứng cứ lưu giữ hình ảnh các vụ trộm xe trong vụ án).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại gì về hành vi và quyết định của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt Tài sản của các bị hại trên địa bàn Quận 8, trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/2020 đến ngày 17/01/2021. Trong đó, bị cáo T tự một mình thực hiện 02 vụ trộm và cùng tham gia với bị cáo H 01 vụ trộm và với bị cáo L 01 vụ trộm; bị cáo H và bị cáo L, mỗi bị cáo cùng tham gia với bị cáo T một vụ trộm.

Tài sản các bị cáo tham gia chiếm đoạt là các chiếc xe gắn máy, cụ thể như sau:

1/ Bị cáo T tự thực hiện chiếm đoạt 01 chiếc xe gắn máy, biển số 59L1-482.83, trị giá: 8.610.000 đồng và 01 chiếc xe gắn máy, biển số 59L2-298.55, trị giá là 36.750.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo T cùng bị cáo H chiếm đoạt 01 chiếc xe gắn máy, biển số 59L2 – 956.81, trị giá là 29.280.000 đồng và cùng bị cáo L chiếm đoạt 01 chiếc xe gắn máy, biển số 83P3-633.41, trị giá là 13.790.000 đồng.

2/ Bị cáo H tham gia cùng bị cáo T chiếm đoạt 01 chiếc xe gắn máy, biển số 59L2 – 956.81, trị giá là 29.280.000 đồng.

3/ Bị cáo L tham gia cùng bị cáo T chiếm đoạt 01 chiếc xe gắn máy, biển số 83P3-633.41, trị giá là 13.790.000 đồng.

Trị giá Tài sản mà các bị cáo H, L chiếm đoạt, qua định giá thuộc trường hợp Tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

Trị giá Tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt, qua định giá tổng cộng là 88.430.000 đồng (thuộc trường hợp Tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng).

Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với các T liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận:

- Các bị cáo: Trần Thị Ngọc H, Đỗ Thị Huỳnh L phạm tội “Trộm cắp Tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp Tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tính đồng phạm trong vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính đồng phạm giản đơn, không có tính tổ chức; trong đó bị cáo T giữ vai trò chính (là người

rủ rê, chuẩn bị phương tiện di chuyển để thực hiện hành vi phạm tội, có vụ với vai trò cảnh giới, có vụ là thực hành, sau khi chiếm đoạt được Tài sản là người trực tiếp đem Tài sản đi tiêu thụ bán lấy tiền và là người trực tiếp chia tiền cho đồng phạm); bị cáo H và bị cáo L với vai trò đồng phạm giúp sức rất tích cực (là người cảnh giới, người thực hành). Do đó, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc về tính chất, mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong lần phạm tội này của bị cáo T thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên”; bị cáo L, bị cáo H thuộc trường hợp “tái phạm”. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà các bị cáo phải chịu.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo T, H đều có quá trình nhân thân xấu, lẽ ra các bị cáo phải biết tu dưỡng, sửa chữa lỗi lầm để phấn đấu thành công dân sống có ích cho xã hội; ngược lại, các bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện thái độ xem thường pháp luật; nên Hội đồng xét xử cũng cần phải lưu ý khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[7] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo T, H, L là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; nhưng xét thấy tất cả các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, nhưng các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm:

- 1/ Bà Nga yêu cầu bồi thường số tiền 9.000.000 đồng.
- 2/ Anh K yêu cầu bồi thường số tiền 40.000.000 đồng.
- 3/ Chị P yêu cầu bồi thường số tiền 17.000.000 đồng.
- 4/ Chị Lan A yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng.

Các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và thực hiện bồi thường theo tỷ lệ chia đều đối với những vụ mà các bị cáo đã tham gia chiếm đoạt được chia nhau cùng hưởng lợi bằng nhau. Đối với bị cáo T sẽ tự chịu trách nhiệm bồi thường đối với những vụ bị cáo tự thực hiện và hưởng lợi một mình. Cụ thể như sau:

- 1/ Bị cáo T tự chịu trách nhiệm bồi thường cho:

- + Bà Nga 9.000.000 đồng;
- + Anh K 40.000.000 đồng;
- + Chị P: 17.000.000 đồng / 2 = 8.500.000 đồng;
- + Chị Lan A: 30.000.000 đồng / 2 = 15.000.000 đồng.

Tổng cộng là 72.500.000 đồng.

2/ Bị cáo H tự chịu trách nhiệm bồi thường cho:

Chị Lan A: 30.000.000 đồng / 2 = 15.000.000 đồng.

3/ Bị cáo L tự chịu trách nhiệm bồi thường cho:

Chị P: 17.000.000 đồng / 2 = 8.500.000 đồng.

Tuy nhiên, các bị cáo T, H xin được thực hiện nhiều lần bồi thường số tiền nêu trên sau khi chấp hành án trở về. Bị cáo L xin được thực hiện nhiều lần bồi thường số tiền nêu trên, vì hiện đang gặp khó khăn.

Xét, bị cáo và bị hại cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thống nhất số tiền bồi thường; nhưng không thống nhất về phương thức và thời gian thực hiện bồi thường. Do đó, bị cáo phải có trách nhiệm thực hiện bồi thường một lần số tiền trên cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; ngay sau khi bản án có hiệu thực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[10] Về vật chứng:

- 01 thẻ nhớ màu đen hiệu Micro 4GB (lưu giữ hình ảnh bị cáo T lấy trộm xe gắn máy, biển số 59L2- 295.55, ngày 06/01/2021).

- 01 đĩa DVD-R Sony 120min/4.7GB (lưu giữ hình ảnh bị cáo T và L lấy trộm xe gắn máy, biển số 83P3 – 633.41, ngày 08/01/2021).

- 01 USB hiệu Toshiba màu trắng 4GB (lưu giữ hình ảnh bị cáo T và bị cáo H lấy trộm xe gắn máy, biển số 59L2 – 956.81, ngày 17/01/2021).

- 01 USB hiệu Kingston màu đỏ 8GB lưu giữ hình ảnh bị cáo T lấy trộm xe gắn máy, biển số 59L1 – 482.83, ngày 27/11/2020).

Đây là chứng cứ liên quan vụ án, lưu giữ hình ảnh các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (được sao chép từ hệ thống Camera theo dõi an ninh) và do bị hại cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án giao nộp; đồng thời các đương sự không có nhu cầu nhận lại; nên cần tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với xe gắn máy Luvias mà bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội, hiện bị cáo T đã bán cho 01 nam thanh niên (chưa rõ lai lịch) và Cơ quan điều tra không thu hồi được; nên không có cơ sở xem xét xử lý.

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Elizabeth, biển số 60F1 – 409.44 mà H sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp Tài sản, hiện đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tạm giữ để điều tra làm rõ trong vụ án “Trộm cắp Tài sản” do H thực hiện tại Quận 10; nên không có cơ sở xem xét xử lý.

- Đối với các chiếc xe gắn máy (là Tài sản trong 04 vụ trộm) trong vụ án này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không thu hồi được; nên không có cơ sở xem xét xử lý.

[11] Đối với Nguyễn Thanh O, tại cơ quan cảnh sát điều tra-công an Quận 8 Hòa khai nhận không biết T và cũng không có quan hệ giao dịch mua bán xe với T. Ngoài lời khai của T, không có căn cứ nào khác để xác định Hòa có hành vi “tiêu thụ Tài sản do người khác phạm tội mà có” nên không có căn cứ xử lý.

[12] Đối với người đàn ông đã mua chiếc xe gắn máy do T bán (trong vụ trộm thứ 4), do không rõ lai lịch; nên Cơ quan điều tra Công an Quận 8 không có căn cứ xử lý trong vụ án này.

[13] Đối với Nguyễn Thanh O, hiện chưa đủ căn cứ để xử lý về hành vi “Tiêu thụ Tài sản do người khác phạm tội mà có” trong cùng vụ án này, nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra và khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[14] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1/ Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp Tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 02/4/2021.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm h Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

2/ Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Ngọc H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp Tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 30/3/2021.

3/ Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thị Huỳnh L 01 (Một) năm tù, về tội “Trộm cắp Tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung (miễn) đối với các bị cáo: Lê Văn T, Trần Thị Ngọc H, Đỗ Thị Huỳnh L.

- Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều: 584, 585, 586, 587, 590, 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự;

1/ Buộc bị cáo Lê Văn T thực hiện việc bồi thường thiệt hại về Tài sản cho:

+ Bà: Nguyễn Thúy N, số tiền là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

+ Anh: Lâm Tuấn K, số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

+ Chị: Phạm Trần Hà P, số tiền là 17.000.000 đồng / 2 = 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Chị: Nguyễn Thị Lan A, số tiền là 30.000.000 đồng / 2 = 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Tổng cộng bị cáo T thực hiện bồi thường số tiền là 72.500.000 đồng (Bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

2/ Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc H thực hiện việc bồi thường thiệt hại về Tài sản cho:  
Chị: Nguyễn Thị Lan A, số tiền là 30.000.000 đồng / 2 = 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

3/ Buộc bị cáo Đỗ Thị Huỳnh L thực hiện việc bồi thường thiệt hại về Tài sản cho:  
Chị: Phạm Trần Hà P, số tiền là 17.000.000 đồng / 2 = 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Thi hành việc bồi thường một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 01 (một) thẻ nhớ màu đen, hiệu Micro 4GB; 01 (một) đĩa DVD-R Sony 120min/4.7GB; 01 (một) USB hiệu Kingston, màu đỏ 8GB; 01 (một) thẻ nhớ màu đen, hiệu Micro 4GB. (Được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để trong một bao thư màu trắng và đánh số bút lục là 157A).

- Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Buộc các bị cáo: Lê Văn T, Trần Thị Ngọc H, Đỗ Thị Huỳnh L; mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 3.625.000 đồng (Ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Đỗ Thị Huỳnh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 425.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải bồi thường do Tài sản bị xâm phạm cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Đối với người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình; trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8, TP.HCM;
- CQTHAHS Q.8, TP.HCM;
- NTG CAQ.8, TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Trọng Trú**